

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp  
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định số** 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004  
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Kinh doanh** 4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch
Ông Mai Việt Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên
Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiền	Thành viên
Ông Lars Johan Gerard De Geer	Thành viên

(từ ngày 15 tháng 6 năm 2018)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Hương	Thành viên

(từ ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Bà Đinh Trúc Phương	Thành viên
---------------------	------------

(từ ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Bà Phan Phương Nga	Thành viên
--------------------	------------

(đến ngày 15 tháng 6 năm 2018)

**Trụ sở đăng ký** 68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Mai Việt Hà  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-410



Auvarin Phor

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 2252-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>202.214.048.129</b>	<b>218.668.950.758</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>45.440.330.849</b>	<b>49.715.957.806</b>
Tiền	111		9.440.330.849	13.698.624.473
Các khoản tương đương tiền	112		36.000.000.000	36.017.333.333
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6(a)</b>	<b>27.545.022.740</b>	<b>31.672.861.312</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		42.800.022.740	50.842.861.312
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(15.255.000.000)	(19.170.000.000)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.328.887.405</b>	<b>42.401.060.175</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.902.693.873	13.815.420.637
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.725.073.328	499.583.500
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	14.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	15.701.120.204	14.086.056.038
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>93.737.177.663</b>	<b>92.708.707.771</b>
Hàng tồn kho	141		93.737.177.663	92.708.707.771
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.162.629.472</b>	<b>2.170.363.694</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.289.037	9.023.259
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.161.340.435	2.161.340.435

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.062.816.506.215</b>	<b>1.047.566.995.519</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>141.787.129.827</b>	<b>143.276.418.915</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	141.787.129.827	143.276.418.915
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.970.050.354</b>	<b>2.430.618.030</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.903.040.155	2.296.774.497
Nguyên giá	222		9.982.586.488	9.982.586.488
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.079.546.333)	(7.685.811.991)
Tài sản cố định vô hình	227	11	67.010.199	133.843.533
Nguyên giá	228		836.870.000	836.870.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(769.859.801)	(703.026.467)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>123.474.425.504</b>	<b>125.229.716.599</b>
Nguyên giá	231		164.521.792.920	164.521.792.920
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(41.047.367.416)	(39.292.076.321)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>263.545.061.982</b>	<b>263.526.949.254</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	263.545.061.982	263.526.949.254
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>528.811.345.557</b>	<b>510.668.084.082</b>
Đầu tư vào công ty con	251		358.348.296.481	341.327.031.814
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		193.894.178.945	192.251.178.945
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(23.431.129.869)	(22.910.126.677)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.228.492.991</b>	<b>2.435.208.639</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		793.284.352	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32(a)	2.435.208.639	2.435.208.639
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.265.030.554.344</b>	<b>1.266.235.946.277</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>555.258.258.073</b>	<b>556.649.920.835</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>514.686.513.655</b>	<b>516.038.455.417</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	151.131.530	324.093.650
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	17.158.045.948	17.147.958.448
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.127.311.489	5.992.222.416
Phải trả người lao động	314		4.320.836.436	6.290.279.314
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	16.489.378.692	16.996.190.905
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.400.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	457.897.575.521	432.160.646.871
Vay ngắn hạn	320	19	7.000.000.000	29.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	8.537.834.039	8.127.063.813
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>40.571.744.418</b>	<b>40.611.465.418</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	40.571.744.418	40.611.465.418
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>709.772.296.271</b>	<b>709.586.025.442</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>709.772.296.271</b>	<b>709.586.025.442</b>
Vốn cổ phần	411	22	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	22	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.503.878.520	118.317.607.691
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.265.030.554.344</b>	<b>1.266.235.946.277</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>34.352.121.309</b>	<b>33.889.966.951</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>(13.305.086.574)</b>	<b>(13.938.190.223)</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 + 11)</b>	<b>20</b>		<b>21.047.034.735</b>	<b>19.951.776.728</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	28.030.880.181	34.440.772.247
Chi phí tài chính	22	29	1.049.137.288	(13.991.299.291)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(2.327.288.343)</i>	<i>(706.045.433)</i>
Chi phí bán hàng	25		(1.286.290.884)	(1.174.710.717)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	(14.208.611.586)	(11.101.012.707)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)</b>	<b>30</b>		<b>34.632.149.734</b>	<b>28.125.526.260</b>
Thu nhập khác	31		189.494.951	562.497.182
Chi phí khác	32		(75.002.925)	(5.763.382)
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)</b>	<b>40</b>		<b>114.492.026</b>	<b>556.733.800</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>34.746.641.760</b>	<b>28.682.260.060</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32(b)</b>	<b>(1.941.847.805)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 + 51)</b>	<b>60</b>		<b>32.804.793.955</b>	<b>28.682.260.060</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>34.746.641.760</b>	<b>28.682.260.060</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		2.215.858.771	2.406.381.253
Các khoản dự phòng	03		(3.393.996.808)	4.883.133.858
Lỗ do thanh lý đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	05		-	8.400.000.000
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(27.288.130.253)	(34.405.772.247)
Chi phí lãi vay	06		2.327.288.343	706.045.433
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>8.607.661.813</b>	<b>10.672.048.357</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(3.533.381.517)	(25.825.750.167)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.028.469.892)	(2.378.420.734)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(3.988.972.714)	307.045.147.306
Biến động chi phí trả trước	12		(785.550.130)	(381.530.520)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		8.042.838.572	1.025.000.000
			<b>7.314.126.132</b>	<b>290.156.494.242</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.349.151.357)	(742.952.629)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.704.053.465)	(7.762.378.754)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.237.144.500)	(3.460.966.170)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>23.776.810</b>	<b>278.190.196.689</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.018.112.728)	(309.210.621.659)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	53.600.000.000
Tiền chi cho vay	23		(10.000.000.000)	(22.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		14.500.000.000	12.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(8.165.980.000)	(26.941.610.000)
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27		26.384.688.961	20.111.456.953
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>17.700.596.233</b>	<b>(272.440.774.706)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	1.689.432.822
Tiền trả nợ gốc vay	34		(22.000.000.000)	(36.907.195.770)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(22.000.000.000)</b>	<b>(35.217.762.948)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.275.626.957)</b>	<b>(29.468.340.965)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>49.715.957.806</b>	<b>82.842.795.400</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>45.440.330.849</b>	<b>53.374.454.435</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ bar và khách sạn;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 86 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 86 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 13 công ty con và 7 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 13 công ty con và 7 công ty liên kết) chi tiết như sau:

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Các công ty con**

<b>Số</b>	<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỉ lệ lợi ích kinh tế tại ngày</b>	
				<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%	51%
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và VEAM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	56,80%	59,62%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70%	70%

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				30/6/2018	1/1/2018
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%	51%
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70%	70%
8	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,86%	80,33%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng, cung cấp thực phẩm và thức uống; cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng dân sự.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98%	98%

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				30/6/2018	1/1/2018
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	274 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
11	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải các loại và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	43/7A ấp Xuân Thới Đông 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80%	80%
12	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	5/5 Khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90%	90%
13	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thới, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%	51%

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Các công ty liên kết**

<b>Số</b>	<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày</b>	
				<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
1	Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	Cung cấp dịch vụ vận tải và bảo trì.	Tầng 6, 555 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,03%	40,03%
2	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,30%	30,30%
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương (*)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô C13, Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	30,60%	27,50%
4	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	43,80%	43,80%
5	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35%	35%
6	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	32%	32%



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				30/6/2018	1/1/2018
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp các dịch vụ về nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc và kỹ thuật có liên quan; thiết kế và xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	66-68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%

(\*) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 3,1% cổ phần của một công ty liên kết – Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương với giá 1.643 triệu VND và tăng tỷ lệ lợi ích kinh tế từ 27,5% lên 30,6%.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng của năm gần nhất.

### **(a) Ngoại tệ**

#### **(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

**(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 6 – 42 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm      |

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 18 – 50 năm
- nhà cửa 5 – 36 năm

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, được thể hiện trong các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi kỳ từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Doanh thu**

**(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản**

Doanh thu chuyển nhượng nền đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

**(ii) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(iii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê hoặc khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tài sản bị trả lại. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(p) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(iii) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(t) Các bên liên quan**

Các cổ đông, doanh nghiệp và cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2018	30/6/2017	30/6/2018	30/6/2017	30/6/2018	30/6/2017	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	9.679.481.701	11.232.689.270	24.672.639.608	22.657.277.681	-	-	34.352.121.309	33.889.966.951
Thu nhập khác của bộ phận	27.477.625.204	32.186.363.539	-	-	742.749.928	2.718.380.000	28.220.375.132	34.904.743.539
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(6.056.573.049)	(6.420.093.932)	(7.248.513.525)	(7.518.096.291)	-	-	(13.305.086.574)	(13.938.190.223)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(5.062.067.946)	(18.894.420.057)	(8.879.629.379)	(6.937.544.740)	(579.070.782)	(440.812.705)	(14.520.768.107)	(26.272.777.502)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong kỳ	26.038.465.910	18.104.538.820	8.544.496.704	8.201.636.650	163.679.146	2.277.567.295	34.746.641.760	28.583.742.765
Doanh thu không phân bổ							-	98.525.890
Chi phí không phân bổ							-	(8.595)
Thuế thu nhập							(1.941.847.805)	-
							32.804.793.955	28.682.260.060

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>								
Tài sản ngắn hạn	9.947.625.544	21.835.851.287	164.664.522.690	165.103.157.593	27.601.899.895	31.729.941.877	202.214.048.129	218.668.950.758
Tài sản dài hạn	343.746.643.507	325.163.615.610	715.440.404.672	718.783.301.245	1.194.249.397	1.184.870.025	1.060.381.297.576	1.045.131.786.880
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.435.208.639	2.435.208.639
	353.694.269.051	346.999.466.897	880.104.927.362	883.886.458.838	28.796.149.292	32.914.811.902	1.265.030.554.344	1.266.235.946.277
<b>Nợ phải trả</b>								
Nợ ngắn hạn	22.272.705.082	21.639.165.183	490.427.466.953	492.469.449.459	1.986.341.620	1.929.840.775	514.686.513.655	516.038.455.417
Nợ dài hạn	4.816.374.800	4.828.088.522	35.325.831.953	35.352.794.568	429.537.665	430.582.328	40.571.744.418	40.611.465.418
	27.089.079.882	26.467.253.705	525.753.298.906	527.822.244.027	2.415.879.285	2.360.423.103	555.258.258.073	556.649.920.835
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày :								
	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2018	30/6/2017	30/6/2018	30/6/2017	30/6/2018	30/6/2017	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khấu hao và phân bổ	460.567.676	487.682.843	1.755.291.095	1.918.698.410	-	-	2.215.858.771	2.406.381.253
Các khoản dự phòng	-	5.197.535.485	-	522.434.373	(3.393.996.808)	(836.836.000)	(3.393.996.808)	4.883.133.858
Chi tiêu vốn	-	90.600.000	5.018.112.728	356.992.273.211	-	-	5.018.112.728	357.082.873.211

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	934.128.415	698.809.273
Tiền gửi ngân hàng	8.506.202.434	12.999.815.200
Các khoản tương đương tiền	36.000.000.000	36.017.333.333
	<hr/>	<hr/>
	45.440.330.849	49.715.957.806
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Các khoản đầu tư**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	30/6/2018			Số lượng	1/1/2018		
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:</b>								
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	12.285.000.000	(1.215.000.000)	1.350.000	13.500.000.000	(*)	(5.130.000.000)
• Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	-	-	-	-	9	162.572	162.572	-
• Công ty Cổ phần Việt Thái	-	-	-	-	650.760	8.042.676.000	8.042.676.000	-
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	3	22.740	22.740	-	3	22.740	22.740	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	(*)	(9.000.000.000)	500.000	14.000.000.000	(*)	(9.000.000.000)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	900.000	9.000.000.000	(*)	-	900.000	9.000.000.000	(*)	-
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	(*)	(5.040.000.000)	180.000	6.300.000.000	(*)	(5.040.000.000)
		42.800.022.740		(15.255.000.000)		50.842.861.312		(19.170.000.000)
		42.800.022.740		(15.255.000.000)		50.842.861.312		(19.170.000.000)

(\*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	19.170.000.000	15.175.468.000
Hoàn nhập	(3.915.000.000)	(836.836.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	15.255.000.000	14.338.632.000
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Ngày 30 tháng 6 năm 2018	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>					
<b>Các công ty con</b>					
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	52,05%	52,05%	44.763.000.000	(*)	-
• Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	51%	51%	9.248.504.000	(*)	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	88,12%	88,12%	7.102.684.814	(*)	-
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	56,80%	56,80%	9.012.515.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70%	70%	56.000.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	51%	25.309.668.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98%	98%	82.320.000.000	(*)	(3.717.691.257)
• Công ty Cổ phần OtoS (a)	80,86%	80,86%	11.563.640.000	(*)	(10.864.192.717)
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70%	70%	27.930.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	84,17%	10.100.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn (b)	80%	80%	31.498.284.667	(*)	(8.849.245.895)
• Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	90%	90%	18.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	51%	51%	25.500.000.000	(*)	-
			358.348.296.481		(23.431.129.869)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	<b>% vốn sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Dự phòng giảm giá VND</b>
<b>Công ty liên kết</b>					
• Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	31.750.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	30,30%	30,30%	29.106.059.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	30,60%	30,60%	15.393.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	43,80%	17.520.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	35%	35%	16.925.119.945	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	32%	32%	19.200.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	40%	40%	64.000.000.000	(*)	-
			<hr/>		<hr/>
			193.894.178.945		-
			<hr/>		<hr/>
			552.242.475.426		(23.431.129.869)
			<hr/>		<hr/>



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	<b>% vốn sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Dự phòng giảm giá VND</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>					
<b>Các công ty con</b>					
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	52,05%	52,05%	44.763.000.000	(*)	-
• Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	51%	51%	9.248.504.000	(*)	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	88,12%	88,12%	7.102.684.814	(*)	-
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	59,62%	59,62%	9.012.515.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70%	70%	56.000.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	51%	25.309.668.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98%	98%	82.320.000.000	(*)	(3.401.208.259)
• Công ty Cổ phần OtoS	80,33%	80,33%	10.040.660.000	(*)	(10.040.660.000)
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70%	70%	27.930.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	84,17%	10.100.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	80%	80%	16.000.000.000	(*)	(7.182.471.289)
• Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	90%	90%	18.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	51%	51%	25.500.000.000	(*)	(2.285.787.129)
			341.327.031.814		(22.910.126.677)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	<b>% vốn sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Dự phòng giảm giá VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>					
• Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	31.750.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	30,30%	30,30%	29.106.059.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	27,50%	27,50%	13.750.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	43,80%	17.520.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	35%	35%	16.925.119.945	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	32%	32%	19.200.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (h)	40%	40%	64.000.000.000	(*)	-
			<hr/>		<hr/>
			192.251.178.945		-
			<hr/>		<hr/>
			533.578.210.759		(22.910.126.677)
			<hr/>		<hr/>

(\*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Tại ngày 18 tháng 4 năm 2018, Công ty đã mua thêm cổ phần với giá 1.523 triệu VND của Công ty Cổ phần OtoS. Tại ngày báo cáo, Công ty đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (b) Tại ngày 11 tháng 6 năm 2018, Công ty đã mua thêm cổ phần với giá 15.498 triệu VND của Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn. Tại ngày báo cáo, Công ty đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (c) Tại ngày 12 tháng 2 năm 2018, Công ty đã mua thêm 3,1% Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương với giá 1.643 triệu VND và tăng phần trăm lợi ích kinh tế từ 27,50% lên 30,60%.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế</b>
	<b>tại ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>tại ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>tại ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>
Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	82.020.314.025	237.850.665	81.782.463.360	696.946.013
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	554.171.979.806	314.371.825.890	239.800.153.916	11.056.336.769
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	78.688.045.301	24.356.242.751	54.331.802.550	4.042.028.587
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	107.300.404.645	50.762.063.765	56.538.340.880	6.343.330.605
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	206.923.174.919	146.045.078.185	60.878.096.734	856.476.358
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	192.638.339.722	112.891.110.292	79.747.229.430	19.228.128.078
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	184.346.702.358	25.206.597.019	159.140.105.339	(680.916.273)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế</b>
	<b>tại ngày 1/1/2018</b>	<b>tại ngày 1/1/2018</b>	<b>tại ngày 1/1/2018</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	92.606.460.284	5.520.942.938	87.085.517.346	2.045.153.466
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	457.361.898.701	222.519.337.247	234.842.561.454	11.685.333.179
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	90.547.690.235	56.657.916.272	33.889.773.963	2.953.504.172
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	67.216.699.873	17.860.464.515	49.356.235.358	352.315.129
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	213.487.391.553	153.465.771.177	60.021.620.376	10.106.003.011
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	193.778.149.891	133.259.048.539	60.519.101.352	3.058.942.264
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	166.214.492.012	6.393.470.400	159.821.021.612	(236.698.258)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	22.910.126.677	16.245.298.272
Tăng dự phòng trong kỳ	2.806.790.321	5.719.969.858
Hoàn nhập	(2.285.787.129)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	23.431.129.869	21.965.268.130
	<hr/>	<hr/>

## 7. Phải thu khách hàng

**Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Vạn Vạn An	11.381.815.282	11.392.744.882
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô – công ty con	1.996.256.793	1.914.270.429
Các khách hàng thuê nhà kho	662.150.085	230.126.023
Các khách hàng khác	1.862.471.713	278.279.303
	<hr/>	<hr/>
	15.902.693.873	13.815.420.637
	<hr/>	<hr/>

## 8. Phải thu khác

### (a) Phải thu ngắn hạn khác

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào các công ty con	5.680.000.000	5.680.000.000
Tạm ứng cho người lao động	4.584.900.000	3.419.461.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.436.220.204	4.986.595.038
	<hr/>	<hr/>
	15.701.120.204	14.086.056.038
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	111.920.452.480	113.409.741.568
Đặt cọc dài hạn	25.521.056.100	25.521.056.100
Các khoản phải thu dài hạn khác	4.345.621.247	4.345.621.247
	141.787.129.827	143.276.418.915
	141.787.129.827	143.276.418.915

(\*) Các khoản phải thu này liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản với các đối tác.

**9. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vật liệu	14.258.928	9.016.569
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	93.674.246.226	92.651.811.869
Hàng hóa	48.672.509	47.879.333
	93.737.177.663	92.708.707.771
	93.737.177.663	92.708.707.771

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh các dự án bất động sản nhà ở.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	2.157.957.854	2.688.035.634	5.136.593.000	9.982.586.488
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	1.835.435.768	2.513.867.637	3.336.508.586	7.685.811.991
Khấu hao trong kỳ	23.913.504	83.801.990	286.018.848	393.734.342
Số dư cuối kỳ	1.859.349.272	2.597.669.627	3.622.527.434	8.079.546.333
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	322.522.086	174.167.997	1.800.084.414	2.296.774.497
Số dư cuối kỳ	298.608.582	90.366.007	1.514.065.566	1.903.040.155

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 4.539 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 3.882 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	836.870.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	703.026.467
Khấu hao trong kỳ	66.833.334
Số dư cuối kỳ	769.859.801
<b>Số dư cuối kỳ</b>	
Số dư đầu kỳ	133.843.533
Số dư cuối kỳ	67.010.199

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 436 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 436 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	5.107.878.273	159.413.914.647	164.521.792.920
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	39.292.076.321	39.292.076.321
Khấu hao trong kỳ	-	1.755.291.095	1.755.291.095
Số dư cuối kỳ	-	41.047.367.416	41.047.367.416
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	5.107.878.273	120.121.838.326	125.229.716.599
Số dư cuối kỳ	5.107.878.273	118.366.547.231	123.474.425.504

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các tòa nhà và quyền sử dụng đất cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 9.176 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 8.748 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>30/6/2017 VND</b>
Số dư đầu kỳ	263.526.949.254	37.548.224.793
Tăng trong kỳ	18.112.728	283.236.789.659
Số dư cuối kỳ	263.545.061.982	320.785.014.452

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án 104 Phở Quang	263.154.634.444	263.154.634.444
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	243.853.083	243.853.083
Khác	146.574.455	128.461.727
	263.545.061.982	263.526.949.254
	263.545.061.982	263.526.949.254

## 14. Phải trả người bán

### Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	<b>30/6/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Số có khả</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Số có khả</b>
	<b>VND</b>	<b>năng trả nợ</b>	<b>VND</b>	<b>năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Hoa Sen Việt	138.451.530	138.451.530	324.093.650	324.093.650
Các nhà cung cấp khác	12.680.000	12.680.000	-	-
	151.131.530	151.131.530	324.093.650	324.093.650
	151.131.530	151.131.530	324.093.650	324.093.650

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Người mua trả tiền trước**

Người mua trả tiền trước chủ yếu gồm các khoản ứng trước từ các khách hàng, phần lớn để chuyển nhượng vốn cổ phần trong một công ty con và để mua quyền sử dụng đất của các dự án bất động sản.

	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Bà Nguyễn Thị Phi Nga	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thành Phố Xanh	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Vạn Thịnh Phát	3.000.000.000	3.000.000.000
Khác	158.045.948	147.958.448
	17.158.045.948	17.147.958.448

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>	<b>Số phát sinh</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã cân trừ</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2017</b> <b>VND</b>
<b>Thuế</b>					
Thuế giá trị gia tăng	2.453.439.467	3.577.859.353	(1.144.662.134)	(4.428.185.275)	458.451.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.404.053.464	1.941.847.805	-	(2.704.053.465)	1.641.847.804
Thuế thu nhập cá nhân	881.519.723	1.276.207.448	-	(1.383.924.659)	773.802.512
<b>Các khoản phải nộp khác</b>					
Thuế đất	-	3.589.606.355	-	(3.589.606.355)	-
Các khoản phải nộp khác	253.209.762	-	-	-	253.209.762
	5.992.222.416	10.385.520.961	(1.144.662.134)	(12.105.769.754)	3.127.311.489

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	8.326.000.000	8.983.000.000
Chi phí xây dựng	4.757.890.171	4.757.890.171
Chi phí lãi vay	10.394.520	32.257.534
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.395.094.001	3.223.043.200
	16.489.378.692	16.996.190.905

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả đối tác của một dự án bất động sản (a)	338.523.950.462	338.409.629.546
Phải trả bên thứ ba liên quan đến dự án 91 Paster	38.755.483.552	43.755.483.552
Góp vốn nhận được từ các khách hàng của Dự án Dân cư Tam Bình	38.218.914.250	36.686.014.014
Cổ tức phải trả	30.132.848.325	162.239.925
Phải trả một bên liên quan (b)	5.764.390.582	5.749.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.501.988.350	7.398.279.834
	<b>457.897.575.521</b>	<b>432.160.646.871</b>

- (a) Phải trả một bên của một dự án bất động sản thể hiện khoản trả trước từ đối tác này theo Thỏa thuận Hợp tác ngày 10 tháng 7 năm 2014 cho dự án tại 104 Phố Quang.
- (b) Phải trả một bên liên quan thể hiện khoản trả trước từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD), một công ty con, theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 1 tháng 11 năm 2014 cho dự án khác tại 104 Phố Quang.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản nhận ký quỹ dài hạn	16.332.230.584	16.371.951.584
Các khoản phải trả dài hạn khác (*)	24.239.513.834	24.239.513.834
	<b>40.571.744.418</b>	<b>40.611.465.418</b>

- (\*) Các khoản phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận được từ các đối tác của các hợp đồng hợp tác kinh doanh tham gia vào các Dự án Bất động sản Bình An của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vay ngắn hạn**

	1/1/2018		Biến động trong kỳ		30/6/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	29.000.000.000	29.000.000.000	-	(22.000.000.000)	7.000.000.000	7.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương (Vietinbank)	VND	6%	7.000.000.000	29.000.000.000

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	8.127.063.813	15.839.427.493
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ (Thuyết minh 21)	2.647.914.726	1.228.841.805
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 21)	-	(3.000.000.000)
Sử dụng trong kỳ	(2.237.144.500)	(3.460.966.170)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.537.834.039	10.607.303.128

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư và phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	95.957.009.096	687.225.426.847
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	28.682.260.060	28.682.260.060
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(1.228.841.805)	(1.228.841.805)
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(279.913.934)	(279.913.934)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	96.159.905.017	687.428.322.768
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	24.276.034.455	24.276.034.455
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.118.331.781)	(2.118.331.781)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	118.317.607.691	709.586.025.442
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	32.804.793.955	32.804.793.955
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(2.647.914.726)	(2.647.914.726)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	118.503.878.520	709.772.296.271



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

## **23. Cổ tức**

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 15 tháng 6 năm 2018 đã quyết định chia cổ tức 29.971 triệu VND (2017: 29.971 triệu VND), bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

## **24. Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **25. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

### **Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	2.423.485.440	12.579.634.560
Từ hai đến năm năm	107.478.033.440	103.611.701.600
Trên năm năm	7.489.886.530	7.993.205.710
	<hr/>	<hr/>
	117.391.405.410	124.184.541.870
	<hr/>	<hr/>

## **26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	1.688.904.115	2.874.533.138
▪ Cung cấp dịch vụ	7.990.577.586	8.358.156.132
▪ Doanh thu cho thuê	24.672.639.608	22.657.277.681
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	34.352.121.309	33.889.966.951
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng hóa đã bán	1.290.580.592	1.606.325.708
Dịch vụ đã cung cấp	5.002.927.900	5.635.608.337
Dịch vụ cho thuê	7.011.578.082	6.696.256.178
	<hr/>	<hr/>
	13.305.086.574	13.938.190.223
	<hr/>	<hr/>

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức	25.112.402.737	33.200.584.885
Thu nhập lãi tiền cho vay	1.103.532.383	268.861.111
Thu nhập lãi tiền gửi	1.072.195.133	936.326.251
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	742.749.928	35.000.000
	<hr/>	<hr/>
	28.030.880.181	34.440.772.247
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	2.327.288.343	706.045.433
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	-	8.400.000.000
Chi phí kinh doanh chứng khoán	(3.393.996.808)	4.883.133.858
	17.571.177	2.120.000
	<hr/>	<hr/>
	(1.049.137.288)	13.991.299.291
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.195.834.123	7.126.592.310
Chi phí đào tạo	1.093.529.405	132.300.000
Chi phí tiếp khách và hội nghị khách hàng	1.041.064.280	1.036.675.359
Chi phí quản lý	1.015.085.829	619.782.221
Chi phí đi lại	550.844.475	847.007.116
Chi phí khấu hao	325.995.440	333.601.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.511.043.117	698.288.941
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.475.214.917	306.764.775
	<hr/>	<hr/>
	14.208.611.586	11.101.012.707
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.290.580.592	1.606.325.708
Chi phí nhân công và nhân viên	8.278.954.658	8.201.399.533
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.215.858.771	2.406.381.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.579.068.188	11.557.160.104
Các chi phí khác	3.435.526.835	2.442.647.049
	<hr/>	<hr/>

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán**

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Chi phí phải trả	2.435.208.639	2.435.208.639
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	1.941.847.805	-

**(c) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.746.641.760	28.682.260.060
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	6.949.328.352	5.736.452.012
Chi phí không được khấu trừ thuế	15.000.000	1.149.845
Thu nhập không chịu thuế	(5.022.480.547)	(6.640.116.977)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với một phần lỗ tính thuế	-	902.515.120
	1.941.847.805	-

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

#### **Các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

#### **Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt**

Tổng lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành viên Hội đồng Quản trị	1.498.000.000	1.319.019.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	251.000.000	271.431.000
Thành viên Ban Kiểm soát	355.600.000	399.790.000
	<b>2.104.600.000</b>	<b>1.990.240.000</b>

#### **Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
			<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức	447.160.000	1.341.480.000
		Cho công ty con vay	-	4.000.000.000
		Thu nhập khác	-	21.777.778
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Công ty con	Tiền thuê tính cho công ty con	2.211.921.220	2.564.658.727
		Cổ tức	6.714.450.000	5.371.560.000
		Chi phí điện tính cho công ty con	420.125.868	-
		Thu nhập khác	42.826.000	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Cổ tức	3.121.648.737	12.833.849.738
		Thu nhập khác	18.116.000	-
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Thu nhập khác	23.267.000	-

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Công ty con	Cổ tức	5.100.000.000	-
		Thu nhập khác	18.251.000	-
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức	2.310.000.000	-
		Thu nhập tài chính khác	-	114.166.667
		Thu nhập khác	13.854.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Công ty con	Cho công ty con vay	357.300.000	581.098.732
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Công ty con	Cổ tức	2.025.000.000	1.350.000.000
Công ty Cổ phần OtoS	Công ty con	Góp vốn	1.522.980.000	2.064.260.000
		Cho công ty con vay	240.000.000	-
		Phí thuê tính cho công ty con	-	20.266.667
		Chi phí điện tính cho công ty con	17.210.589	5.485.429
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn	15.498.284.667	-
		Cho công ty con vay	-	8.000.000.000
		Thu nhập tài chính khác	995.368.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Công ty con	Cho công ty con vay	10.000.000.000	-
		Thu nhập khác	-	105.742.091
		Thu nhập tài chính khác	108.164.383	-
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Công ty con	Thu nhập khác	3.379.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết	Góp vốn	-	15.800.000.000
		Thu nhập tài chính khác	-	92.083.333
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Góp vốn	-	12.307.350.000
		Cổ tức	1.028.542.500	3.085.627.500

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	-	6.570.000.000
		Thu nhập khác	5.824.000	-
		Thu nhập tài chính khác	-	40.833.333
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Cổ tức	-	11.900.691.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty liên kết	Góp vốn	1.643.000.000	-
		Cổ tức	1.101.600.000	453.750.000
Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Cổ tức	2.400.000.000	-
		Thu nhập khác	54.545.456	-

---



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Mua bất động sản đầu tư chưa thanh toán	38.755.483.552	47.872.251.552
Cần trừ khoản đầu tư vào các công ty con được mua lại với khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	9.500.000.000	-
Cần trừ khoản đầu tư vào các công ty con được mua lại với khoản phải thu ngắn hạn khác	998.284.667	-
Cần trừ phải thu do thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con với các khoản tạm ứng từ khách hàng	-	10.000.000.000
Cần trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết được mua lại với khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	-	9.800.000.000
Cần trừ các khoản phải thu khách hàng với khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	-	200.000.000

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017 và các số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lấy từ báo cáo tài chính riêng của cùng kỳ đã được soát xét.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà  
 Tổng Giám đốc